

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 28/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2024/TB-TA ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp A, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (có mặt);

Bị đơn: Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện B, tỉnh Long An (có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/01/2024, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện 29/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Bà và bà L có quan hệ quen biết nhau, nên bà có cho bà L vay tiền và chơi hụi từ năm 2022, quá trình vay tiền và chơi hụi diễn ra nhiều lần vì khi cần tiền làm vốn kinh doanh thì bà L thường hỏi bà để vay tiền hoặc xin hốt hụi vào đầu kỳ. Bà L là chủ vựa chanh ở địa phương nên khi cho vay hoặc bà L cần hốt nhiều phần hụi cùng lúc thì bà cũng đồng ý mà không yêu cầu bà L thế chấp tài sản hoặc cần người bảo lãnh. Thực tế, thời điểm này thì bà L trả tiền vay và đóng hụi rất đầy đủ nên tất cả các khoản nợ phát sinh trong năm 2022 đều đã được hai bên tất toán xong. Tháng 4 năm 2023, bà L tiếp tục xin tham gia 10 phần hụi của 10 dây hụi, mỗi dây tham gia 01 phần, hụi mở ngày 30/4/2023 và kết thúc ngày 30/4/2024, tổng cộng là 11 kỳ, góp ngày 30 hàng tháng, thỏa thuận hụi sống 3.000.000 đồng và hụi chết cố định mỗi tháng đóng lại 3.600.000 đồng. Do cần tiền trả cho thương lái bán chanh, nên tại kỳ mở hụi đầu tiên thì bà L yêu cầu được hốt toàn bộ 10 phần, bà đã giao cho bà L nhận đủ với số tiền hụi hốt được là 10 phần x 31.500.000 đồng (mỗi dây là 11 kỳ x 3.000.000 đồng - 1.500.000 đồng tiền hoa hồng cho thảo hụi) = 315.000.000 đồng. Cùng thời điểm đó, bà L có vay thêm bà số tiền 150.000.000 đồng để đủ tiền trả cho thương lái và bà L có hứa đến đầu tháng 10/2023 sẽ hoàn trả, nhận thấy trước giờ bà L có giữ uy tín và thời gian vay cũng ngắn nên bà đồng ý cho vay mà không lấy lãi để tạo điều kiện cho bà L làm ăn. Do đó, cùng ngày 30/4/2023 thì bà đã giao cho bà L tổng số tiền là 465.000.000 đồng (gồm 315.000.000 đồng tiền hụi và 150.000.000 đồng tiền vay), hai bên có làm chung một Biên nhận đề ngày 30/4/2023 do bà ghi với hai nội dung là giao hụi và giao nợ vay, bà L đã đọc lại và ký vào hai vị trí của bên nhận tiền để xác nhận.

Khoảng hai ngày sau thì bà L thông báo với bà là sợ không đủ tiền góp lại hụi chết mỗi tháng vì đang làm ăn khó khăn, chanh không có nguồn ra nên đề nghị hủy bỏ 05 dây hụi. Bà Th cũng đồng ý và yêu cầu bà L trả lại cho bà số tiền hụi mà bà đã giao thừa là 157.500.000 đồng, (05 dây x 31.500.000 đồng) nhưng bà L chỉ trả lại được cho bà 143.700.000 đồng, số tiền nợ lại là 13.800.000 đồng xin chuyển thành tiền vay và cộng chung khoản tiền 150.000.000 đồng vay ngày 30/4/2023 thành tổng số nợ vay là 163.800.000 đồng.

Ngày 18/11/2023, bà đến gặp bà L để giải quyết vì đã quá hạn Th toán nợ vay và nợ hụi chết là 108.000.000 đồng chưa đóng cho bà (05 dây x 3.600.000 đồng x 6 tháng). Bà L cũng thống nhất số tiền nợ bà là 163.800.000 đồng nợ gốc vay + 7.000.000 đồng nợ lãi tính từ tháng 5 đến tháng 11/2023 (không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể mà chỉ ghi số tiền lãi mỗi tháng cố định là 1.000.000 đồng) + 126.000.000 đồng nợ hụi (ừ tháng 5 đến tháng 11/2023 = 296.800.000 đồng). Bà cho rằng, tại thời điểm ngày 18/11/2023 nhưng tính luôn khoản nợ đến ngày 30/11/2023 vì hai bên đã thống nhất ngày 18 hàng tháng sẽ tính hụi trước, do bà L nói tháng 11 sẽ thiếu nên bà mới ghi luôn nợ hụi trên biên nhận ngày 18/11/2023 dòng chữ “30/11 18.000.000” (mục đích tính nợ trước là để nếu tháng nào bà L không có tiền đóng thì báo bà biết trước vào ngày 18 để bà tìm đường xoay sở đến ngày 30 có tiền kịp giao cho hụi viên hốt, còn nếu tới ngày 30 mà bà L có tiền thì sẽ được cản trừ lại vào tháng sau). Do đó, mặc dù ngày chốt nợ là ngày 18/11/2023 nhưng thật chất là khoản nợ này đã được tính đến ngày 30/11/2023, nên hai bên mới làm giấy chốt nợ tính đến ngày 30/11/2023 là 296.800.000 đồng và bà L cũng đồng ý ký nhận nợ. Đến ngày 18/12/2023 thì hai bên lại tiếp tục tính tiền của tháng

12 gồm 296.800.000đồng nợ cũ + 9.000.000đồng tiền lãi của tháng 12 (trước đây tính 1.000.000đồng/tháng nhưng do bà đã phải choàng tiền hụi cho bà L quá lâu nên bà mới ghi lãi là 9.000.000đồng để bà L phụ bà) + 18.000.000đồng hụi chết tháng 12 (ngày 30/12/2023 mới đóng) nên tổng nợ là 323.800.000đồng (tiền hụi tháng 11 bà L không đóng nên không được cản trừ trong lần tính hụi này). Sau khi bà tính tiền của tháng 12 (ghi tiếp theo vào tờ giấy tình tiền ngày 18/11/2023) xong thì bà L yêu cầu chỉ tính lãi là 1.000.000đồng mà không đồng ý phụ thêm tiền gì khác, nhưng bà không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh chấp và bà L cũng không ký tên chốt nợ của tháng 12.

Về nội dung khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ tổng cộng là 323.800.000đồng (nợ vay, nợ hụi, nợ lãi) và nợ lãi tính từ ngày 08/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0.83%/tháng. Bà xác định, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên bà không yêu cầu đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, bà đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm.

Bị đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2024 thể hiện: Bà thừa nhận khoảng thời gian từ năm 2022 bà có tham gia góp hụi do bà Th làm thảo hụi và có vay tiền của bà Th nhiều lần, tính đến ngày 18/12/2023 thì bà còn nợ bà Th số tiền tổng cộng là 323.800.000đồng. Tuy nhiên, hai bên thống nhất bà sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp 3, xã Th, huyện B, tỉnh Long An) cho bà Th để cản trừ nợ. Mặc dù, tại thời điểm chuyển nhượng thủ tục giấy tờ bị trục trặc, nên chưa thể sang tên cho bà Th được nhưng thực tế các bên đã thỏa thuận xong, bà cũng đã giao đất cho bà Th quản lý sử dụng để trồng dừa từ đó cho đến nay. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà Th thì bà đồng ý trả cho bà Th số tiền 323.800.000đồng nhưng bà Th phải trả lại thửa đất đã nhận chuyển nhượng từ bà. Tuy nhiên, bà xác định bà sẽ khởi kiện bà Th liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên trong vụ án khác vì hiện nay bà cũng đang vướng một vụ án khác, con bà cũng đang bị tai nạn nên bà không có thời gian để giải quyết vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng bị đơn vắng mặt, ngoài lời trình bày thì không cung cấp cho Tòa án thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải và không đối chất được. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tuy nhiên, sau khi phiên tòa hoãn lần một thì bà L nộp đơn phản tố vì cho rằng đã cho bà Th thuê đất để cản trừ dần nợ, nay bà Th khởi kiện bà thì bà yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê để trả lại đất cho bà.

Tại phiên tòa,

Bà Th trình bày bổ sung: Nay thấy bà L thật sự khó khăn nên bà cũng tự nguyện giảm một phần tiền hụi và tiền lãi cho bà L để tạo điều kiện cho bà L trả nợ cho bà. Cụ thể, chỉ yêu cầu nợ lãi là 6.000.000đồng tính từ tháng 01 đến tháng

6/2024, không yêu cầu nợ lãi của tháng 12/2023 và không yêu cầu 03 tháng nợ hụi còn lại (từ tháng 01 đến tháng 4/2024). Do đó, bà xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà là yêu cầu bà L Th toán cho bà 163.800.000đồng nợ gốc vay + 13.000.000đồng nợ lãi (tính từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2024, mỗi tháng 1.000.000đồng) + 144.000.000đồng tiền hụi chết (từ tháng 5 đến tháng 12/2023, mỗi tháng 18.000.000đồng) = 320.800.000đồng, ngoài ra bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày là bà có nhận chuyển nhượng từ bà L một phần đất để cản trừ nợ, nhưng sau đó lại thay đổi lời khai là cho bà thuê đất để trừ nợ (phần đất thuộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 65, tọa lạc xã Th, huyện B, tỉnh Long An). Trong vụ án này bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà nợ hụi và nợ vay, bà không có yêu cầu giải quyết nội dung nào liên quan đến phần đất này. Mặc dù vậy, nhưng để chứng minh hoàn toàn không có việc cản trừ nợ như bà L nại ra thì bà vẫn cung cấp thêm hai văn bản thể hiện việc giao dịch giữa bà và bà L có liên quan đến phần đất này để làm sáng tỏ nội dung vụ án. Cụ thể, văn bản là “Giấy nhận tiền cọc ngày 01/12/2022” và “Hợp đồng mua bán đất ngày 26/7/2023” để thể hiện thời điểm lập hai văn bản này thì rõ ràng đều xảy ra trước ngày chốt nợ hơn 04 tháng, còn toàn bộ nội dung hai văn bản thì hoàn toàn không có thỏa thuận nào thể hiện có việc cản trừ nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết liên quan đến thửa đất nêu trên trong vụ án này.

Bị đơn bà L trình bày bổ sung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà có trình bày là bà đã chuyển nhượng cho bà Th một phần đất để cản trừ số nợ 323.800.000đồng (tính đến ngày 30/12/2023) là do bà nhầm lẫn. Sau khi Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất, bà có về xem lại giấy tờ thì mới nhớ lại là trước đây bà Th có hứa miệng là cho bà ký nhận nợ trước rồi sẽ bỏ nợ lãi và nợ hụi cho bà. Do đó, bà thay đổi lời khai là bà xác định bà chỉ nợ bà Th số tiền là 296.800.000đồng tính đến ngày 30/12/2023 (gồm 163.800.000đồng nợ gốc; nợ lãi tính từ tháng 5 đến tháng 11/2023 là 7.000.000đồng; nợ hụi từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2023, mỗi tháng 18.000.000đồng nên tổng nợ hụi là 126.000.000đồng). Như vậy, số nợ đúng như biên nhận mà bà ký ngày 18/11/2023, tại thời điểm bà ký nhận nợ này thì bà Th có cam kết là không tiếp tục yêu cầu trả nợ lãi và nợ hụi sau ngày này nữa (hụi đến tháng 4/2024 mới mãn) nên bà mới đồng ý ký tên tại biên nhận nợ ngày 18/11/2023. Do đó, bà chỉ đồng ý nợ bà Th số tiền 296.800.000đồng theo đúng như thỏa thuận, không đồng ý nợ hụi tháng 12/2023 là 18.000.000đồng và nợ lãi từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024 như bà Th yêu cầu. Đồng thời, do sau khi xem xét giấy cọc và giấy chuyển nhượng do bà Th cung cấp thì bà thấy có chữ ký của bà nên bà nghĩ là có chuyển nhượng nhưng thật chất là thỏa thuận cho thuê để cản trừ nợ, thời điểm cho thuê là tháng 12/2023 chứ không phải tháng 12/2022 và tháng 7/2023 như nội dung ghi trong thỏa thuận, sở dĩ bà ký như vậy là do không đọc kỹ nội. Nay bà Th khởi kiện chỉ yêu cầu hoàn trả số tiền nợ này, bà Th không yêu cầu giải quyết liên quan đến giao dịch thuê đất nêu trên, bà cũng đang thu thập chứng cứ để xem xét lại nội dung thỏa thuận giữa hai bên liên quan đến thửa đất này. Bà xác định bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp liên quan đến thửa đất nêu trên thì bà sẽ khởi kiện sau bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa nhữ tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất nợ hui và nợ vay tính đến ngày 30/11/2023 là 296.800.000đồng. Tại phiên tòa, bà Th cũng đồng ý tính đến ngày 30/11/2023 thì bà L còn nợ bà Th tổng số tiền là 296.800.000đồng (gồm 163.800.000đồng nợ gốc; nợ lãi tính từ tháng 5 đến tháng 11/2023 là 7.000.000đồng; nợ hui từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2023 là 126.000.000đồng), thỏa thuận này của hai bên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, có căn cứ xác định tính đến ngày 30/11/2023 thì bà L còn nợ bà Th số tiền là 296.800.000đồng. Về yêu cầu Th toán nợ hui tháng 12/2023 và nợ lãi từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024 thì thấy rằng, trước đây hai bên có thỏa thuận lãi trên nợ gốc vay cố định mỗi tháng là 1.000.000đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Riêng bà L không đồng ý phần nợ này vì cho rằng trước đây bà Th đã hứa không tính nợ hui tháng 12/2023 và không tính lãi từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024. Tuy nhiên lời trình bày này của bà cũng không có chứng cứ chứng minh và cũng không được bà Th thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định bà L còn nợ bà Th tiền lãi trên từ tháng 1 đến tháng 6/2024 với số tiền lãi là 6.000.000đồng và nợ hui tháng 12/2023 là 18.000.000đồng.

Bà L cho rằng, tháng 12/2023 hai bên có thỏa thuận miệng tiền nợ hui và nợ vay sẽ trừ vào tiền bán đất nhưng sau bà L không đưa được tài liệu chứng cứ gì chứng minh, bà Th có cung cấp “Giấy nhận tiền cọc ngày 03/12/2022 và “Giấy mua bán đất ngày 02/7/2023”, trong các văn bản trên không có nội dung nào về việc cản trừ nợ hui, nợ vay và thời gian ký giấy đặt cọc, mua bán đất cũng không phù hợp với lời khai của bà L . Người làm chứng có ký tên trong hai văn bản nêu trên là bà Lâm Thị Th Tuyên và bà Trần Thị Trang đã được Toà án làm việc cũng không xác định được có việc cản trừ này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nói trên có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án chỉ nhận được đơn khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu bà L có nghĩa vụ Th toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và nợ hui, Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu

phản tố để bị đơn là bà L biết và thực hiện nhưng bà L xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Sau khi hoãn phiên tòa thì bà L nộp đơn phản tố có nội dung yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, tại phiên tòa bị đơn xác định lại là không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, các bên đương sự thống nhất nếu có tranh chấp liên quan đến thửa đất nêu trên thì một trong các bên sẽ khởi kiện sau bằng vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự được xác định là nguyên đơn và bà Lâm Thị Kim L là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, bà Th và bà L đều có mặt đủ điều kiện để Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành gửi cho đương sự vắng mặt là bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ngoài lời trình bày thì bà L không cung cấp tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa thì các đương sự cũng thống nhất xác định tài liệu chứng cứ đã được thu thập đầy đủ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.1.2] Xét nội dung “Giấy nợ đề ngày 18/11/2023” do bà Th cung cấp thể hiện:

Thời điểm xác nhận lần một là ngày 18/11/2023 chốt nợ với số tiền 296.800.000đồng, tại mục “*Người xác nhận*” có chữ ký, chữ viết ghi tên “*Lâm Thị Kim L*”. Lúc đầu bà L không thừa nhận chữ ký của bà, sau khi có Kết luận giám định số 142/KL-KTHS ngày 22/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An thì bà L cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết là của bà đã ký để xác nhận nợ tính đến ngày 18/11/2023 (thực tế tính nợ đến 30/11/2023).

Thời điểm xác nhận lần hai là ngày 18/12/2023 (thực tế tính nợ đến 30/12/2023) chốt nợ là 323.800.000đồng, mặc dù không có chữ ký của bà L nhưng được bà L thừa nhận trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, sau đó bà L thay đổi lời khai cho rằng mặc dù có chốt nợ như vậy nhưng bà Th có hứa miệng là không tiếp tục tính nợ lãi và nợ hụi sau này cho bà. Do đó, bà xác định lại là chỉ nợ bà Th 296.800.000đồng theo biên nhận ngày 18/11/2023. Tại phiên tòa, bà Th cũng đồng ý một phần yêu cầu của bà L, cụ thể bà Th cũng thống nhất tính đến ngày 30/11/2023 thì bà L còn nợ bà Th tổng số tiền là 296.800.000đồng (gồm

163.800.000đồng nợ gốc; nợ lãi tính từ tháng 5 đến tháng 11/2023 là 7.000.000đồng; nợ hui từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2023 là 126.000.000đồng), thỏa thuận này của hai bên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, có căn cứ xác định tính đến ngày 30/11/2023 thì bà L còn nợ bà Th số tiền là 296.800.000đồng.

[2.1.3] Về yêu cầu Th toán nợ hui tháng 12/2023 và nợ lãi từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024:

Các bên thống nhất bà L có tham gia góp hui do bà Th là chủ thảo, hui mở ngày 30/4/2023 và kết thúc ngày 30/4/2024. Bà L thừa nhận đã hốt hui tại kỳ đầu tiên nhưng đến nay vẫn chưa đóng lại hui chết cho bà Th, nay bà Th chỉ yêu cầu tính nợ hui đến tháng 12/2023 là đã có lợi cho bà L. Về việc bà L cho rằng trước đây bà Th đã hứa không tính nợ hui tháng 12/2023, nhưng lời trình bày này không được bà Th chấp nhận và bà L cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu bà L hoàn trả nợ hui tháng 12/2023 là 18.000.000đồng.

Về yêu cầu tính lãi từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024: Xét yêu cầu này của bà Th, thấy rằng trước đây hai bên có thỏa thuận lãi trên nợ gốc vay cố định mỗi tháng là 1.000.000đồng. Tại đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu tiền lãi 08/01/2024 đến ngày 08/6/2024 là 6.797.700đồng ($0.83\%/tháng \times 163.800.000đồng \times 5$ tháng), nhưng nay chỉ yêu cầu tiền lãi là 6.000.000đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Riêng bà L không đồng ý tính lãi giai đoạn này vì cho rằng bà Th đã hứa bỏ lãi cho bà, tuy nhiên lời trình bày này của bà cũng không có chứng cứ chứng minh và cũng không được bà Th thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định bà L còn nợ bà Th tiền lãi trên từ tháng 1 đến tháng 6/2024 với số tiền lãi là 6.000.000đồng.

[2.1.4] Về yêu cầu cản trừ nợ của bị đơn: Bà L cho rằng, tháng 12/2023 hai bên có thỏa thuận miệng tiền nợ hui và nợ vay sẽ trừ vào tiền bán đất nhưng sau đó bà L thay đổi lời trình bày và cho rằng là cản trừ vào tiền thuê đất. Tuy nhiên, lời trình bày của bà không được bà Th thừa nhận, bà L không có chứng cứ chứng minh có thỏa thuận cản trừ này. Ngoài ra, bà Th có cung cấp “Giấy nhận tiền cọc ngày 03/12/2022 và “Giấy mua bán đất ngày 02/7/2023”, đều có thời điểm xảy ra trước khi chốt nợ, trong cả hai văn bản không có nội dung nào ghi thỏa thuận cản trừ nợ như bà L trình bày. Tại biên bản lấy lời khai của hai người làm chứng có ký tên trong hai văn bản nêu trên là bà Lâm Thị Th Tuyên và bà Trần Thị Trang cũng không xác định được có việc cản trừ này. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L về việc cho rằng số tiền bà nợ bà Th đã được cản trừ vào tiền thuê đất như bà nêu ra.

Từ những phân tích tại các mục [2.1.1], [2.1.2], [2.1.3] và [2.1.4], Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà L có nghĩa vụ Th toán cho nguyên đơn số tiền gồm 163.800.000đồng nợ gốc vay + 13.000.000đồng nợ lãi (tính từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2024) + 144.000.000đồng tiền nợ hui (tính từ tháng 5 đến tháng 12/2023, mỗi tháng 18.000.000đồng) = 320.800.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về mối quan hệ liên quan đến giao dịch quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất 128, tờ bản đồ số 65 tọa lạc xã Thanh Lợi huyện Bến Lức tỉnh Long An giữa bà Th và bà L , do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết sau bằng vụ án khác.

[2.3] Về chi phí giám định: Sau khi thụ lý vụ án, bà L có ý kiến không thừa nhận chữ ký của bà trong trong giấy nợ ngày 18/11/2023 nên bà Th phải yêu cầu trưng cầu giám định để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Tại Kết luận giám định số 142/KL-KTHS ngày 22/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đã kết luận chữ ký trên biên nhận và chữ ký mẫu là cùng một người ký ra nên bà L phải chịu toàn bộ chi phí này tổng cộng là 3.000.000đồng. Do bà Th đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí này cho bà Th .

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền trả cho bà Th là 16.040.000đồng, bà Th không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Th về việc yêu cầu bà Lâm Thị Kim L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc Th số tiền là 320.800.000đồng (ba trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

2. Buộc bà Lâm Thị Kim L có nghĩa vụ Th toán cho bà Nguyễn Ngọc Th số tiền 320.800.000đồng (ba trăm hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí giám định: Tổng cộng là 3.000.000đồng (ba triệu đồng) do bà Lâm Thị Kim L phải chịu toàn bộ; bà Nguyễn Ngọc Th đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong chi phí này nên buộc bà Lâm Thị Kim L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Th số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng) này.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Tổng cộng là 16.040.000đồng (mười sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) do bà Lâm Thị Kim L có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ án phí này; bà Nguyễn Ngọc Th không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.095.000đồng (tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006907 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

